TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 406/2025/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 16 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 338/2025/TLST- VHNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Mai Thị Ngọc P, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ A, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- Ông Phạm Tiến Đ, sinh năm 2001; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà P sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2021, cấp ngày 19/01/2021, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên căn cứ Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà Mai Thị Ngọc P, ông Phạm Tiến Đ khai: Trong quá trình chung sống đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược nhau, thường xuyên cãi vã nên gia đình luôn căng thẳng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì không muốn đổ vỡ nên hai vợ chồng đã cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên hai vợ chồng cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Tiến T, sinh ngày 04/5/2021. Sau khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận giao cháu T cho bà Mai Thị Ngọc P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Vợ chồng thỏa thuận, ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà Mai Thị Ngọc P, ông Phạm Tiến Đ phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 4 năm 2025 là thực sự tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Sự thỏa thuận của bà P, ông Đ đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của bà Mai Thị Ngọc P, ông Phạm Tiến Đ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Mai Thị Ngọc P, sinh năm 2001 và ông Phạm Tiến Đ, sinh năm 2001.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Tiến T, sinh ngày 04/5/2021. Sau khi ly hôn bà P và ông Đ thỏa thuận giao cháu T cho bà Mai Thị Ngọc P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông Phạm Tiến Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, bà P và ông Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Đ (không trực tiếp nuôi con) được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình: Bà Mai Thị Ngọc P và ông Phạm Tiến Đ mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005905 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tám